

Bản án số: 23/2020/DS-PT
Ngày 27-02-2020
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi.
Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Trần Hồng Diễm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 tháng 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2019/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019, về việc “tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2019/DS-ST, ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1966; địa chỉ: đường N, Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Hoàng D1, sinh năm 1964. HKTT: đường T, Khóm T, Phường H, Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

+ Bà Phan Thị Ngọc H, sinh năm 1966; địa chỉ: đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Ông Phan Hoàng N; sinh năm 1975; Địa chỉ liên hệ: đường T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2019 và ngày 27/12/2019. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

+ Bà Cao Thị V, sinh năm 1950; địa chỉ: đường L, Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Bà Cao Thị V: Ông Trương Hoài P, Luật sư Văn phòng Luật sư P, Đoàn Luật sư T. Địa chỉ: đường Đ, phường K, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

+ Ông Đào Minh K, sinh năm 1973; địa chỉ: đường L, Khóm N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người làm chứng:* Bà Hứa Thị T, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Cao Thị V là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2019 của nguyên đơn Ông Nguyễn Hoàng D1 và Bà Phan Thị Ngọc H cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01/7/2004, ông D1, bà H có ký hợp đồng mua bán đất với bà V, ông K để nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất 2.000 m² tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 67, mục đích sử dụng đất lúa, tọa lạc tại ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận QSDĐ số vào 0385 do UBND huyện M cấp ngày 29/8/2003 cho Ông Đào Minh K, phía nguyên đơn đã trả hết số tiền chuyển nhượng 140.000.000 đồng cho bị đơn theo hợp đồng chuyển nhượng lập ngày 01/7/2004.

Trong quá trình tiến hành tách thửa thì phía bà V, ông K có lập trang trại nuôi bò nằm trong tổng quyền sử dụng đất nêu trên nên không tách thửa cho ông D1, bà H được. Do việc chuyển nhượng không thực hiện được, nên vào ngày 01/7/2007 các bên thống nhất thỏa thuận khoản tiền ông D1, bà H dùng mua đất của ông K, bà V thời điểm 2004 có giá trị tương đương 30 (ba mươi) lượng vàng 24K (vàng 10 tuổi) và hai bên đã tiến hành cùng ký vào giấy nhận nợ vay vàng 24K, ghi nhận bà V, ông K còn nợ ông D1, bà H 30 (ba mươi) lượng vàng 24K (vàng 10 tuổi), cam kết đến ngày 01/10/2012 sẽ trả dứt điểm số vàng đã vay, nếu trả không đúng thời hạn đã cam kết thì phải chịu lãi suất cho vay của Ngân hàng thương mại từng thời điểm (giấy nhận nợ vay vàng ngày 01/7/2007 do bà V, ông K cùng ký tên). Tuy nhiên, tính đến thời điểm ngày 30/01/2011, bà V, ông K mới trả cho ông D1, bà H được 05 (năm) lượng vàng 24K.

Đến ngày 12/6/2019, bà V, ông K trả thêm cho ông D1, bà H số tiền 500.000.000 đồng được quy đổi tương đương 14 (mười bốn) lượng vàng 24K tại thời điểm trả nợ.

Do bà V, ông K đã nợ của ông D1, bà H số vàng trong thời gian dài nhưng khi chuyển nhượng đất được số tiền là 2.400.000.000 đồng thì bà V, ông K không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ông D1, bà H nên ông D1 và bà H

yêu cầu Bà Cao Thị V và Ông Đào Minh K cùng liên đới có trách nhiệm trả cho ông D1 và bà H 11 lượng vàng 24K (vàng 10 tuổi).

Phía ông D1 và bà H yêu cầu quy đổi vàng thành tiền tại thời điểm xét xử theo giá vàng mua vào là 4.080.000 đồng/1 chỉ thành số tiền 448.800.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2019 của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2004 ông nội của bà D là ông Nguyễn Văn Đ (cha chồng của Bà Cao Thị V) có giao cho bà V số tiền 35.000.000 đồng để chuyển nhượng diện tích 500m² đất trồng lúa tại khu dân cư Đại Thành, phần diện tích đất này sau khi chuyển nhượng do Bà Cao Thị V đứng tên. Sau đó bà V thế chấp 500m² này cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng để kinh doanh nhưng do kinh doanh thất bại nên toàn bộ diện tích đất trên bị Ngân hàng phát mãi để thu hồi nợ. Sau khi ông Nguyễn Văn Đ chết thì Bà Nguyễn Thị D (là cháu nội của ông Nguyễn Văn Đ) được hưởng phần tài sản này. Sau đó bà V và bà D thỏa thuận là bà V sẽ trả cho bà D một lô đất khác nên vào ngày 22/8/2013, Bà Nguyễn Thị D với Công ty TNHH T do Bà Cao Thị V đại diện có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa số 20, tờ bản đồ số 67, diện tích 140m², tại khu E, lô 5, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, hai bên xác định giá trị thửa đất là 170.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng có lập hợp đồng nhưng không có công chứng, chứng thực. Do việc chuyển nhượng không thành nên ngày 04/01/2019 bà V và Ông Đào Minh K (con ruột của bà V) đã ký giấy xác nhận ghi nhận nguyện vọng của bà D muốn nhận lại số tiền 170.000.000 đồng theo thỏa thuận trước đó.

Đến ngày 12/6/2019, bà V và ông K đã trả cho bà D được số tiền 120.000.000 đồng. Số tiền còn lại 50.000.000 đồng đến nay bà V và ông K không trả cho bà D.

Nay bà D yêu cầu Bà Cao Thị V và Ông Đào Minh K cùng liên đới có trách nhiệm trả cho Bà Nguyễn Thị D số tiền 50.000.000 đồng.

Bị đơn Bà Cao Thị V đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ông Đào Minh K trình bày:

Bà V thông nhất vào ngày 01/7/2004, ông D1, bà H có ký hợp đồng mua bán đất với bà V và ông K (con bà V) để nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất 2.000 m² tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 67, mục đích sử dụng đất lúa, tọa lạc tại ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận QSDĐ số vào 0385 do UBND huyện M cấp ngày 29/8/2003 cho Ông Đào Minh K, phía nguyên đơn đã trả hết số tiền chuyển nhượng 140.000.000 đồng cho bà V theo hợp đồng chuyển nhượng lập ngày 01/7/2004, việc chuyển nhượng nhằm mục đích phân lô bán nền.

Do việc chuyển nhượng không thực hiện được, khoản tiền ông D1, bà H dùng mua đất quy ra thành vàng tại thời điểm 2004 được hai bên thừa nhận có giá trị tương đương 30 (ba mươi) lượng vàng 24K (vàng 10 tuổi). Vào ngày

01/7/2007, hai bên đã tiến hành cùng ký vào giấy nhận nợ vay vàng 24K, ghi nhận bà V, ông K còn nợ ông D1, bà H 30 (ba mươi) lượng vàng 24K (vàng 10 tuổi), cam kết đến ngày 01/10/2012 sẽ trả dứt điểm số vàng đã vay, nếu trả không đúng thời hạn đã cam kết thì phải chịu lãi suất cho vay của Ngân hàng thương mại từng thời điểm (giấy nhận nợ vay vàng ngày 01/7/2007 do bà V và ông K cùng ký tên). Sau đó bà V và ông K có trả nợ cho ông D1 và bà H nhiều lần, tính đến ngày 30/01/2011, bà V và ông K đã trả cho ông D1, bà H được 05 (năm) lượng vàng 24K.

Ngoài ra cũng vào năm 2004 cha chồng của Bà Cao Thị V là ông Nguyễn Văn Đ có giao cho bà V số tiền 35.000.000 đồng để chuyển nhượng diện tích 500m² đất trồng lúa tại khu dân cư Đại Thành, phần diện tích đất này sau khi chuyển nhượng do Bà Cao Thị V đứng tên. Sau đó bà V thế chấp 500m² đất này cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng để kinh doanh. Sau khi ông Nguyễn Văn Đ chết thì Bà Nguyễn Thị D (là cháu nội của ông Nguyễn Văn Đ) được hưởng phần tài sản này. Sau đó bà V và bà D thỏa thuận là bà V sẽ trả cho bà D một lô đất khác nên vào ngày 22/8/2013, Bà Nguyễn Thị D với Công ty TNHH T do Bà Cao Thị V đại diện có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa số 20, tờ bản đồ số 67, diện tích 140m², tại khu E, lô 5, ấp C thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, hai bên xác định giá trị thửa đất là 170.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng có lập hợp đồng nhưng không có công chứng, chứng thực. Sau khi ký Hợp đồng do bà V làm ăn thất bại nên toàn bộ diện tích đất trên bị Ngân hàng phát mãi để thu hồi nợ.

Đến ngày 04/01/2019 bà V và Ông Đào Minh K ký giấy xác nhận ghi nhận nguyện vọng của bà D muốn nhận lại số tiền 170.000.000 đồng.

Sau đó vào ngày 12/6/2019 bà V chủ động mời bà H và bà D đến nhà để trả nợ nhưng do quá khó khăn nên bà V xin trả cho bà H số tiền 500.000.000 đồng và trả cho bà D số tiền 120.000.000 đồng coi như trừ hết nợ, bà H và bà D đồng ý với thỏa thuận này nên cùng bà V đến ngân hàng TMCP Ngoại thương Sóc Trăng rút tiền trả cho bà H số tiền 500.000.000 đồng và trả cho bà D số tiền 120.000.000 đồng. Bà V có yêu cầu bà H và bà D trả lại biên nhận trước đây nhưng bà H và bà D chỉ giao cho bà V giấy phô tô (việc trả tiền này có sự chứng kiến của Bà Hứa Thị T), nay bà V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Theo bà V, toàn bộ số tiền mà ông D1, bà H và ông Nguyễn Văn Đ giao cho bà V thì bà V và ông K sử dụng để làm ăn, kinh doanh. Nhưng do kinh doanh thất bại nên ông bà không có khả năng thanh toán.

Vụ án được Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2019/DS-ST ngày 15-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36;

khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Buộc Bà Cao Thị V và Ông Đào Minh K cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho Ông Nguyễn Hoàng D1, Bà Phan Thị Ngọc H số tiền 448.800.000 đồng và trả cho Bà Nguyễn Thị D số tiền 50.000.000 đồng. (Bà V và ông K mỗi người chịu 50% số tiền nói trên)

Kể từ ngày Ông Nguyễn Hoàng D1, Bà Phan Thị Ngọc H, Bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng Bà Cao Thị V và Ông Đào Minh K còn phải trả lãi cho ông D1, bà H, bà D theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị V và Ông Đào Minh K mỗi người phải chịu số tiền 11.976.000 đồng.

Hoàn trả cho Ông Nguyễn Hoàng D1, Bà Phan Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.272.000 đồng theo biên lai thu số 0007576 ngày 20/6/2019. Hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0007634 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, bị đơn Bà Cao Thị V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bà Cao Thị V xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm tại phiên tòa phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho bị đơn trình bày cho rằng nợ của bà V xuất phát từ việc hai bên có làm ăn chung trước đây, do đây là mối quan hệ gia đình nên bà V không làm giấy xóa nợ với các con của chồng bà. Sự việc xóa nợ chỉ có bà, bà T và Hồng, Dung biết, ngoài ra không có tài liệu nào khác ghi nhận có việc bà D, bà H xóa hết số tiền nợ còn lại cho bà V. Ban đầu khi bà V thỏa thuận với bà D, bà H xin trả cho bà D 120.000.000đ, bà H 500.000.000đ và dứt nợ, nghĩa là số tiền bà V nợ bà D còn lại là 50.000.000đ, và số vàng bà V nợ bà H còn lại 11 lượng vàng 24K bà D và bà V phải xóa nợ cho bà V, lúc này bà D và bà H không đồng ý cự cãi qua lại. Sau đó thì bà V, ông K mang 2 sổ tiết kiệm ra và nói nếu đồng ý xóa số nợ còn lại thì bà V sẽ đi ra Ngân hàng rút tiền trả, còn nếu không bà V sẽ giữ lại 2 sổ tiết kiệm trên không trả tiền cho ai. Khi đó các bên đồng ý và đầu giờ chiều cùng ngày bà V,

bà T, bà D, bà H cùng ra Ngân hàng rút tiền trả cho bà D 120.000.000 đồng, bà H 500.000.000 đồng và dứt nợ. Từ đó rất mong Hội đồng xét xử xem xét toàn diện vụ án, chấp nhận kháng cáo của bà V.

Tại phiên Tòa, ông K thống nhất với trình bày của bà V và người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho bà V.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa phúc thẩm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Bà Cao Thị V, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí do tại phiên tòa phúc thẩm bà V xin được xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm vì bà là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo ngày 29/11/2019 của bị đơn Bà Cao Thị V là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 55/2019/DS-ST ngày 15-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố S.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các đương sự thừa nhận thống nhất nội dung sau:

[2.1] Vào ngày 01/7/2007 Bà Cao Thị V và Ông Đào Minh K có “Giấy nhận nợ vay vàng 24K” của Ông Nguyễn Hoàng D1 và Bà Phan Thị Ngọc H số vàng 30 lượng vàng 24K (vàng 10 tuổi) . Sau khi làm biên nhận tính đến ngày 30/01/2011 bà V và ông K đã trả cho ông D1, bà H được 05 (năm) lượng vàng 24K (vàng 10 tuổi). Ngày 12/6/2019 bà V và ông K trả cho bà H và ông D1 số tiền 500.000.000 đồng, các bên thỏa thuận 500.000.000đ tương đương 14 lượng vàng 24K (vàng 10 tuổi). Số vàng chưa trả bà H, ông D1 là 11 lượng vàng 24K (vàng 10 tuổi).

[2.2] Vào ngày 04/01/2019 Bà Cao Thị V và Ông Đào Minh K có lập tờ xác nhận có nợ Bà Nguyễn Thị D số tiền 170.000.000đ. Ngày 12/6/2019 bà V

và ông K trả cho bà D số tiền 120.000.000đ. Số tiền chưa trả cho bà D là 50.000.000đ.

[2.3] Đây là các tình tiết, sự kiện các đương sự thừa nhận nên Tòa án xác định là các tình tiết, sự kiện có thật và xem là chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 và khoản 3 Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.4] Tuy nhiên bà V cho rằng vào ngày 12/6/2019 giữa bà V, bà D, bà H có thỏa thuận là bà V trả cho bà D 120.000.000đ thì số tiền còn lại là 50.000.000đ bà D đồng ý xóa nợ cho bà V và ông K; đối với số nợ 11 lượng vàng 24K (vàng 10 tuổi) bà H cũng đồng ý xóa nợ cho bà V và ông K. Chứng cứ bà V cung cấp là xác nhận của người làm chứng Bà Hứa Thị T là bạn thân của bà. Còn các nguyên đơn không thừa nhận có sự việc trên.

[3] Thấy rằng, việc bà V và bà T cho rằng bà D, bà H có đồng ý việc bà xóa phần nợ còn lại cho bà V số tiền 50.000.000đ của bà D, và 11 lượng vàng 24K (vàng 10 tuổi) của bà H, ông D1 nhưng không có tài liệu hay chứng cứ đối chiếu là có việc bà D, bà H xóa nợ cho bà V. Còn việc bà T có chứng kiến sự việc thỏa thuận nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào khác để đối chiếu trong khi nguyên đơn Dung và bà H không thừa nhận nên không đủ cơ sở chấp nhận lời khai của bà T là chứng cứ vụ án.

[4] Cấp sơ thẩm xử buộc bà V và ông K liên đới trả cho bà D số tiền 50.000.000đ (mỗi người chịu trách nhiệm trả 50% số tiền trên) và xử buộc bà V và ông K liên đới trả cho bà H, ông D1 448.800.000đ tương đương 11 lượng vàng 24K (mỗi người chịu trách nhiệm trả 50% số tiền trên) là có căn cứ phù hợp Điều 166, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi hợp pháp cho bị đơn Bà Cao Thị V đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà V là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bà Cao Thị V và chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

[6] Về án phí dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm Bà Cao Thị V trình bày xin miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm do bà là người cao tuổi. Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bà Cao Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Việc sửa bản án sơ thẩm về phần án phí do phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm, nên sửa án về phần án phí là khách quan.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bà Cao Thị V.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng về phần án phí như sau:

Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Buộc Bà Cao Thị V và Ông Đào Minh K cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho Ông Nguyễn Hoàng D1, Bà Phan Thị Ngọc H số tiền 448.800.000 đồng (bốn trăm bốn mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng) và trả cho Bà Nguyễn Thị D số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). (Bà V và ông K mỗi người chịu 50% số tiền nói trên)

Kể từ ngày Ông Nguyễn Hoàng D1, Bà Phan Thị Ngọc H, Bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng Bà Cao Thị V và Ông Đào Minh K còn phải trả lãi cho ông D1, bà H, bà D theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm; Ông Đào Minh K phải chịu số tiền 11.976.000 đồng (mười một triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ông Nguyễn Hoàng D1, Bà Phan Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.272.000 đồng (mười triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007576 ngày 20/6/2019. Hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007634 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Cao Thị V được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Bà V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0001503 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố S;
- Chi cục THA.DS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Thị Thúy Nga